TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. T **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/5/2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Dương Thị Phương Dung**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Võ Thị Bời**
Ông **Vũ Văn Nở**
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Lê Thị Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T*** *tham gia phiên tòa*: Bà **Phan Thị Trưng** - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 1142/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2022 về việc ***"Ly hôn"***, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2023 giữa các đương sự sau:

- Nguyên đơn: Ông **Trịnh Thành N** – sinh năm 1979

HKTT: Tổ 10 khu phố 1, phường T, Quận X, thành phố N

Có đơn xin vắng mặt

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu H** – sinh năm 1984

HKTT: 18/1A đường T, phuwofng L, thành phố T
Chỗ ở hiện nay: C18.07 chung cư PH, phường T, thành phố T
Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trịnh Thành N trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 22/11/2022: tôi và cô Nguyễn Thị Thu H kết hôn năm 2005. Sau một thời gian chung sống chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Cô H đã nhiều lần đòi ly hôn nhưng vì lúc đó con còn nhỏ nên tôi không đồng ý. Chúng tôi mặc dù sống chung nhà nhưng thực tế đã ly thân từ năm 2018. Hiện tại tôi chủ yếu sống tại đơn vị nơi làm việc, cuối tuần mới về thăm con. Sau một thời gian sống ly thân, hiện nay tình cảm không còn nên tôi đề nghị được ly hôn với cô H.

Tôi và cô H có 02 con chung là Trịnh Nhã T sinh ngày 20/3/2009 và Trịnh Nhã N sinh ngày 02/01/2013. Tôi giao 02 con cho cô H nuôi dưỡng. Tôi cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/tháng cho hai con.

Tài sản chung và nợ chung chúng tôi tự giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày tại bản tự khai ngày 10/02/2023: Tôi và anh Trịnh Thành N kết hôn năm 2005. Trong cuộc sống chúng tôi xảy ra nhiều bất đồng quan

điểm dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2018 nên tôi đồng ý ly hôn với anh N. Tuy nhiên vì tôi bận công việc nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tôi và ông N có 02 con chung là Trịnh Nhã T sinh ngày 20/3/2009 và Trịnh Nhã N sinh ngày 02/01/2013. Tôi xin nuôi con và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi hai con là 10.000.000đồng/tháng.

Tài sản chung và nợ chung chúng tôi tự giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Hai con chung giao cho bị đơn nuôi dưỡng. Nguyên đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung 10.000.000đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung, không xem xét. Nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục tố tụng:*

- Việc ông Trịnh Thành N khởi kiện yêu cầu được giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu H, xét yêu cầu khởi kiện của ông N là hoàn toàn đúng pháp luật nên chấp nhận và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T. Ông Trịnh Thành N và bà Nguyễn Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Trịnh Thành N và bà Nguyễn Thị Thu H.

** Về nội dung vụ án:* Ông Trịnh Thành N và bà Nguyễn Thị Thu H tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 207, quyển số 02 ngày 01/10/2005. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống, cuộc sống hôn nhân của ông N và bà H không hạnh phúc. Ông N và bà H đều thừa nhận cả hai có nhiều bất đồng, mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông N.

- Về con chung: Ông Trịnh Thành N và bà Nguyễn Thị Thu H có 02 con chung là Trịnh Nhã T sinh ngày 20/3/2009 và Trịnh Nhã N sinh ngày 02/01/2013. Ông Trịnh Thành N đồng ý giao hai con chung cho bà H nuôi dưỡng. Bà H cũng có yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và hai con chung đều có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Nguyễn Thị Thu H. Ông Trịnh Thành N đồng ý cấp dưỡng nuôi con 10.000.000đồng/tháng cho hai con. Do đó Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Trịnh Nhã T sinh ngày 20/3/2009 và Trịnh Nhã N sinh ngày 02/01/2013 cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ông Trịnh Thành N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con 10.000.000đồng/tháng kể từ tháng 6/2023 cho đến khi hai con chung tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trịnh Thành N và bà Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề tài sản chung và nợ chung trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

- Về án phí: Ông Trịnh Thành N phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm (phần cấp dưỡng nuôi con) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 227, Điều 235, Điều 264, Điều 267 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Trịnh Thành N được ly hôn bà Nguyễn Thị Thu H.

2/ Về con chung: Giao hai con chung là Trịnh Nhã T sinh ngày 20/3/2009 và Trịnh Nhã N sinh ngày 02/01/2013 cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Ông Trịnh Thành N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con 10.000.000đồng/tháng kể từ tháng 6/2023 cho đến khi hai con chung tròn 18 tuổi.

Ông Trịnh Thành N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Đồng thời ông N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết ông N, bà H có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4/ Về án phí: Ông Trịnh Thành N phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm (phần cấp dưỡng nuôi con) nhưng ông N đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002600 ngày 12/10/2022 của Cục Thi hành án Dân sự thành phố T, ông Trịnh Thành N còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- *Tòa án nhân dân tỉnh H;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Tp. T;*
- *Chi cục thi hành án Dân sự Tp. T;*
- *UBND phường P-Tp. H-tỉnh N*
(Giấy chứng nhận kết hôn số 207 ngày 01/10/2005);
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Đào Dương Thị Phương Dung